TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 26 - 8- 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Quảng
Bà Tô Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lộc Thị Mận - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST- DS, ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lã Văn H, sinh năm 1978. Có mặt.
- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn H, sinh năm 1982. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Vũ Thị P, sinh năm 1979. Có mặt.
2. Ông Vũ Văn K, sinh năm 1953. Có mặt.
3. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1978. Có mặt.
4. Bà Hoàng Thị H (tên gọi khác: Hoàng Múi S), sinh năm 1950. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

5. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

6. Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn L, chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Lã Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị P:* Bà Lê Thị L - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Vũ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X:* Bà Dương Thị Quỳnh H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lưu Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Đường Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình lấy lời khai, nguyên đơn anh Lã Văn Hoàng trình bày:

Về quan hệ gia đình: Anh là con rể của ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H. Bị đơn Vũ Văn H là em trai ruột của chị Vũ Thị P (vợ anh Lã Văn H). Do vậy giữa anh Lã Văn H và anh Vũ Văn H có mối quan hệ anh rể em cậu.

Nguồn gốc khu đất tranh chấp: Năm 2002, ông Vũ Văn K (là bố của chị Vũ Thị P) chuyển nhượng cho vợ chồng anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P thửa đất vườn số 161, tờ bản số 66, địa danh: Lọ Khát, Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhưng chưa làm giấy tờ. Từ năm 2002, vợ chồng anh Lã Văn H đã canh tác và trồng một số cây trên đất, sử dụng thửa đất ổn định, không có tranh chấp. Tuy nhiên, đến ngày 12/3/2009 âm lịch ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H mới làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P. Nội dung giấy chuyển nhượng ghi ông Vũ Văn K chuyển nhượng cho anh H, chị P diện tích 700m² đất vườn tại Lọ Khát, Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đến năm 2019 thì xảy ra tranh chấp giữa ông Vũ Văn H (là em ruột của chị Vũ Thị P) và vợ chồng anh H, chị P. Ủy ban nhân dân xã H, huyện C tiến hành xác minh tại thực địa xác định thửa đất tranh chấp là thửa đất 161, tờ bản đồ 66 và đã tiến hành hòa giải 02 lần nhưng không thành. Thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh Lã Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp khoảng 800m² nằm trong thửa đất số 161, tờ bản đồ 66, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, địa danh: Lọ Khát, Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

2. Yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng, khai thác toàn bộ tài sản trên đất gồm: 55 cây mận, 23 cây hồng Bảo Lâm, 03 cây xoài.

3. Yêu cầu anh Vũ Văn H phải bồi thường thiệt hại giá trị của 03 cây mận do anh Hùng chặt theo giá Hội đồng định giá đưa ra.

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Lã Văn H rút yêu cầu đối với 214,3m² nằm ngoài thửa 161 (trong đó: thửa đất 179, S1= ABDEQRS = 95,5m^2 và S3 = QEFP= 80,8m^2; lấn vào đất giao thông do Ủy ban nhân dân xã H quản lý thửa 72, S2= BCD=17,2m^2; thửa đất 156 của anh Đường Văn T là S5= KLU = 10,2m^2; thửa đất 178 , S6= GHKUT = 10,2m^2). Còn các yêu cầu khác giữ nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H, chị Vũ Thị P, chị Vũ Thị H đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Lã Văn H và không có ý kiến khác.

Bị đơn anh Vũ Văn H trình bày: Anh xác nhận mối quan hệ gia đình như anh Lã Văn H đã trình bày.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Do cụ Đường Thị B (anh H gọi là bà cụ) để lại cho ông bà nội anh Vũ Văn H, ông bà nội anh H để lại cho bố mẹ anh là ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H quản lý, sử dụng. Anh Vũ Văn H thừa nhận việc bố mẹ anh chuyển nhượng đất thửa 161, tờ bản đồ 66 cho anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P là đúng. Thời điểm đó anh H và chị X cũng đồng ý. Năm 2002, anh H còn đi hộ anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P trồng mận. Năm 2009, khi ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H làm Giấy chuyển nhượng, chính anh H là người nhờ ông Đường Văn T lên viết Giấy chuyển nhượng cho anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P. Nội dung trong giấy ghi nội dung là bố mẹ cho chứ không phải bán đất vườn, địa danh: Lọ Khát, Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng anh H và chị X cũng đồng ý và ký tên vào Giấy chuyển nhượng. Đến năm 2016, trong quá trình cùng thu mua nhựa thông, hai chị em phát sinh mâu thuẫn. Anh Vũ Văn H cho rằng, anh H đã cho đất chị P mà chị P còn gây mâu thuẫn giữa chị em nên anh H đòi lại số đất là 800m^2 thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ 66. Anh Vũ Văn H khẳng định không có giấy tờ gì chứng minh nguồn gốc đất, mà anh cho rằng diện tích đất này bố mẹ anh H bỏ hoang không canh tác, anh H được canh tác nên đất này là của anh H; hơn nữa anh H là con trai có quyền thừa hưởng đất đai nên anh H có quyền đòi lại.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lã Văn H, anh Vũ Văn H có ý kiến như sau:

1. Đất của anh H nên anh H lấy lại, anh H không nhất trí cho anh Lã Văn H quản lý, sử dụng 800m^2 thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ 66, địa danh: Lọ Khát, Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Chỉ nhất trí cho 700m^2 đất như trong Giấy chuyển nhượng đã ghi. Đề nghị Tòa án giải quyết theo giấy tờ ông Vũ Văn K chuyển nhượng cho vợ chồng H - P là 700m^2. Phần còn lại trả lại cho anh H.

2. Đối với 03 cây mận anh H thừa nhận được chặt nhưng 03 cây mận này nằm trong phần đất 800m^2 thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ 66 là đất của anh H nên anh H không trả tiền bồi thường theo yêu cầu của anh Lã Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn chị Nguyễn Thị X nhất trí với ý kiến của anh Vũ Văn H và không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn khai: Thửa đất số 161, tờ bản đồ 66, có tổng diện tích là 1.501,1m^2, mục đích sử dụng DCS, do đất không có người quy chủ nên đơn vị đo đạc đã ghi tên người sử dụng, quản lý thửa đất là Ủy ban nhân dân xã quản lý

nhưng trên thực tế gia đình anh Lã Văn H đã quản lý, sử dụng từ năm 2002, đã trồng các loại cây ăn quả như mận, hồng...Trên sổ sách không có tên anh Lã Văn H, Vũ Văn H quy chủ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đại diện Ủy ban nhân dân xã H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng anh Lưu Văn C trình bày: Anh là con rể của ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H. Chị Vũ Thị P và anh Lã Văn H là em gái và em rể bên vợ của anh. Anh Vũ Văn H là em trai ruột chị Vũ Thị H (vợ của anh C). Giữa anh và những người này không có mâu thuẫn với nhau. Vào khoảng tháng 3/2009 âm lịch, anh được Vũ Văn H gọi đến nhà ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H để chứng kiến việc ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H chuyển nhượng đất cho chị Vũ Thị P và anh Lã Văn H. Người viết giấy chuyển nhượng giúp là anh Đường Văn T (hàng xóm của chị Vũ Thị P và anh Lã Văn H). Tại buổi chuyển nhượng gồm có ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H, Vũ Thị P, Lã Văn H, Vũ Văn H, anh Lưu Văn C và anh Đường Văn T. Nội dung là ông K, bà H bán cho chị P và anh H 01 mảnh đất nền nhà và 01 mảnh đất vườn ở Lọ Khát, Thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Anh Lưu Văn C không rõ diện tích bao nhiêu vì lúc đó không đi đo cụ thể, ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H chỉ ước tính diện tích. Tại buổi chuyển nhượng chị Vũ Thị P và anh Lã Văn H trả cho ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), anh Lã Văn H nói là sẽ trả thêm 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nữa cho ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H. Tổng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sau này trả khi nào thì anh Lưu Văn C không rõ. Anh Lưu Văn C cho rằng: Ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H đã bán cho vợ chồng chị Vũ Thị P và anh Lã Văn H diện tích cả khu vườn thì chị Vũ Thị P và anh Lã Văn H được quản lý, sử dụng. Anh Lưu Văn C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để giải quyết xong mâu thuẫn của gia đình anh.

Người làm chứng anh Đường Văn T khai: Anh có mối quan hệ anh em với ông Vũ Văn K nhưng đã được 3 đời. Giữa anh và hai bên gia đình ông K, bà H, anh H, chị P, anh H, chị X không có mâu thuẫn gì với nhau. Anh Đường Văn T không nhớ rõ thời gian, chỉ nhớ ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H gọi anh T đến nhà nhờ viết hộ Giấy chuyển nhượng đất cho chị Vũ Thị P và anh Lã Văn H. Tại buổi thỏa thuận chuyển nhượng gồm có ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H, chị Vũ Thị P, anh Lã Văn H, anh Vũ Văn H, anh Lưu Văn C và anh Đường Văn T. Hai bên gia đình đọc cho anh T chép theo ý kiến của hai bên gia đình và chỉ có 01 (một) duy nhất giao cho anh H, chị P giữ. Khi họp để viết Giấy chuyển nhượng giữa hai bên vui vẻ, thoải mái, không có gì thắc mắc. Trong Giấy chuyển nhượng đất viết vào tháng 3/2009, anh T xác nhận chữ viết trong giấy này là chữ viết của anh T. Khi viết Giấy chuyển nhượng thì không đi thực địa, viết tại nhà nên diện tích đất vườn chuyển nhượng chỉ ước không đo chính xác. Anh T chỉ là người viết hộ theo ý kiến hai bên thỏa thuận, hai bên thống nhất như thế nào thì anh T ghi như thế. Việc thanh toán do hai bên tự trả cho nhau. Khi viết Giấy xong các thành phần có mặt đều ký vào giấy, chỉ có chị X ký sau vì lúc viết giấy chị X không có mặt do quan niệm con dâu không muốn tham gia vào việc gia đình chồng. Anh Đường Văn T mong Tòa án giải quyết triệt để mâu thuẫn giữa hai bên gia đình.

Ngày 14/7/2021, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau:

1. Tổng diện tích đất tranh chấp đo tại thực địa là 927,1m^2 (trong đó có S1+S3 = 176,7m^2 thuộc thửa đất 179; S2= 17,2m^2 thuộc thửa đất 72 đất giao thông; 712,8m^2 thuộc thửa đất số 161; 10,2m^2 thuộc thửa đất 156 của anh Đường Văn T; 10,2m^2 thuộc thửa đất 178) đều cùng tờ bản đồ số 66, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Giá trị đất theo giá Nhà nước là 927,1m^2 x 37.000 đồng/m^2 = 34.302.700 đồng (ba mươi tư triệu ba trăm linh hai nghìn bảy trăm đồng).

Giá trị đất theo giá thị trường:

- Phần diện tích cao ngang mặt đường DH28 (gồm một phần thửa 179 và thửa 72): 113,1m^2 x 100.000 đồng/m^2 = 11.310.000 đồng (mười một triệu ba trăm mười nghìn đồng).

- Phần diện tích thấp hơn mặt đường DH28 (gồm một phần thửa 161, thửa 156, thửa 178): 814m^2 x 50.000 đồng/m^2 = 40.700.000 đồng (bốn mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).

2. Tài sản trên đất gồm:

2.1. Tài sản trên phần đất nằm cao ngang mặt đường DH28 (nằm trong một phần của thửa 179, 72) gồm:

- 10 cây đào (trong đó có 09 cây đường kính dưới 05cm do anh Vũ Văn H trồng năm 2018; 01 cây đường kính 10cm do ông Vũ Văn K trồng, không nhớ năm trồng);

- 03 cây bưởi (trong đó có 01 cây đường kính 20cm do ông Vũ Văn K trồng; 02 cây đường kính 05 cm do do bà Hoàng Thị H trồng khoảng năm 2017);

- 01 cây nhãn đường kính trên 30cm do ông Vũ Văn K trồng (không nhớ năm trồng);

- 02 cây sa mộc đường kính 10cm do ông Vũ Văn K trồng khoảng năm 1987 - 1988;

- 01 hàng rào dứa dại có diện tích khoảng 10m^2 do ông Vũ Văn K trồng khoảng năm 1986 -1987.

Giá trị tài sản trên là 4.926.000 đồng (bốn triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

2.2. Tài sản trên phần đất thấp hơn mặt đường DH28 (nằm trong một phần của thửa 161) gồm:

- 46 cây mận đường kính từ 05cm - 10cm do anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P trồng (trong đó có 44 cây trồng năm 2002; 02 cây trồng năm 2017);

- 03 cây nhãn (trong đó có 01 cây đường kính 30cm và 02 cây đường kính 20cm do ông Vũ Văn K trồng khoảng năm 1990-1991);

- 06 cây đào (trong đó có 01 cây đường kính 05cm và 05 cây đường kính 15cm do chị Vũ Thị P trồng khoảng năm 2009-2010);

- 01 cây hồi đường kính 15cm do ông Vũ Văn K trồng khoảng năm 1996;

- 23 cây hồng Bảo Lâm đường kính từ 05cm - 10cm do anh Lã Văn H trồng khoảng năm 2007- 2008;

- 03 cây xoài đường kính từ 05cm - 10cm do chị Vũ Thị P trồng năm 2018;

- 01 cây chanh đường kính từ 05cm - 07cm do anh Vũ Văn H trồng năm 1998;

- 01 cây táo đường kính từ 05cm do chị Vũ Thị P trồng khoảng năm 2015-2016;

- 01 cây trám đường kính nhỏ hơn 05cm do anh Vũ Văn H trồng năm 2019;

- 01 cây mác kham mọc tự nhiên;

- 03 gốc cây mận do anh Vũ Văn H chặt (anh Lã Văn H trồng năm 2002, đường kính gốc 05 - 10cm).

Tổng giá trị tài sản trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 50.515.000 đồng (năm mươi triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng).

3. Giá trị đất và tài sản trên đất theo giá Nhà nước là: 34.302.700 đồng + 50.515.000 đồng = 84.817.700 đồng (tám mươi tư triệu tám trăm mười bẩy nghìn bẩy trăm đồng).

4. Giá trị phần đất cao hơn mặt đường DH28 theo giá thị trường và tài sản trên đất: 11.310.000 đồng + 50.515.000 đồng = 61.825.000 đồng (sáu mươi mốt triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

5. Giá trị phần đất thấp hơn mặt đường DH28 theo giá thị trường và tài sản trên đất: 40.700.000 đồng + 50.515.000 đồng = 91.215.000 đồng (chín mươi mốt triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng);

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất theo kết quả đo đạc, xem xét thẩm định và định giá; yêu cầu bị đơn bồi thường 03 cây mận đã chặt theo giá Hội đồng định giá đưa ra và buộc bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và không bổ sung ý kiến khác.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bổ sung ý kiến: Nếu ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H lấy lại phần diện tích đất đang tranh chấp để quản lý, sử dụng. Khi nào ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H chết thì chuyển giao cho người nào mai táng, thờ tự ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H thì bị đơn anh Vũ Văn H sẽ không tranh chấp nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn đồng ý với ý kiến của bị đơn và không bổ sung ý kiến khác.

Trong phần tranh luận, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Lã Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị P tranh luận: Cả hai bên đều thừa nhận nguồn gốc đất do cha ông để lại cho ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H. Năm 2002, ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H đã chuyển nhượng cho anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P. Anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P đã trồng cây trên đất từ năm 2002 không có ai tranh chấp, thắc mắc gì. Năm 2009, ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H đã viết Giấy chuyển nhượng khu đất vườn này cho anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P. Những người tham gia buổi chuyển nhượng đều thừa nhận diện tích ghi trong Giấy chuyển nhượng 700m^2 chỉ là ước chừng không đi đo đạc cụ thể tại thực địa. Tại phiên tòa, ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H vẫn nhất trí chuyển nhượng cho anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P toàn bộ khu vườn thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ 66, địa danh Lọ Khát, thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính

phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013; Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P nhất trí với ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và không tranh luận bổ sung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Vũ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X tranh luận: Về nguồn gốc đất cả hai bên đều thừa nhận do cha ông để lại cho ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H, như vậy ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H phải nắm rất rõ diện tích đất được quản lý, sử dụng, không thể nhầm lẫn 1.500m^2 với 700m^2. Trong Giấy chuyển nhượng ghi là 700m^2 không rõ ràng mới dẫn đến tranh chấp. Vì anh Vũ Văn H cho rằng diện tích đất này là của anh H nên mới chặt 03 cây mận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị X nhất trí với ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và không tranh luận bổ sung.

Ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H tranh luận: Chúng tôi đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao đất và tài sản trên đất cho anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P quản lý, sử dụng vì chúng tôi đã chuyển nhượng cả thửa vườn chứ không phải chỉ chuyển nhượng 700m^2, chúng tôi đã chuyển nhượng nên không lấy lại đất để quản lý như ý kiến anh Vũ Văn H nêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Lã Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị P đối đáp: Theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013 thì diện tích đất này, anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P đã quản lý, sử dụng và trồng cây trên đất từ năm 2002, đã được 19 năm; việc quản lý, sử dụng đúng phần diện tích ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H chuyển nhượng và không ai có ý kiến thắc mắc; anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P đã sử dụng đúng mục đích, cải tạo nâng cao giá trị của đất nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Vũ Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X đối đáp: Vì Giấy chuyển nhượng ghi 700m^2 và thực tế thì diện tích lại là 1.500m^2 nên mới dẫn đến tranh chấp; các ý kiến tranh luận trước giữ nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, phía bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 166, Điều 170; Điều 202; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 35, 147, 157, 161, 165, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Lã Văn H được quản lý, sử dụng diện tích 712,8m^2 thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ 66, bản đồ địa chính xã H và toàn bộ tài sản trên đất.

2. Buộc bị đơn anh Vũ Văn H phải chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất.

3. Buộc bị đơn anh Vũ Văn H phải bồi thường thiệt hại đối với 03 cây mận là 1.248.000 đồng.

4. Đình chỉ giải quyết đối với diện tích mà nguyên đơn đã rút yêu cầu.

5. Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lã Văn H được chấp nhận nên bị đơn anh Vũ Văn H phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Lã Văn H chịu chi phí tố tụng đối với phần yêu cầu đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; chị Vũ Thị H; người làm chứng anh Lưu Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ban đầu anh Lã Văn H yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp khoảng 800m² nằm trong thửa đất số 161, tờ bản đồ 66 xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, địa danh: Lọ Khát, thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng, khai thác toàn bộ tài sản trên đất và yêu cầu anh Vũ Văn H phải bồi thường thiệt hại giá trị của 03 cây mận do anh Vũ Văn H chặt. Sau đó anh Lã Văn H bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện là yêu cầu anh Vũ Văn H chấm dứt hành vi tranh chấp. Do vậy, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và chấm dứt hành vi tranh chấp" theo khoản 9, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lã Văn H yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp 712,8m² nằm trong thửa đất số 161, tờ bản đồ 66 xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, địa danh: Lọ Khát, thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng, khai thác toàn bộ tài sản trên đất và buộc anh Vũ Văn H chấm dứt hành vi tranh chấp. Hội đồng xét xử thấy: Theo bản tự khai của đại diện Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì thửa đất số 161, tờ bản đồ 66, có tổng diện tích là 1.501,1m^2, mục đích sử dụng DCS, do đất không có người quy chủ nên đơn vị đo đạc đã ghi tên người sử dụng, quản lý thửa đất là Ủy ban nhân dân xã quản lý nhưng trên thực tế gia đình anh Lã Văn H đã quản lý, sử dụng từ năm 2002, đã trồng các loại cây ăn quả như mận, hồng...Trên sổ sách không có tên anh Lã Văn H, Vũ Văn H quy chủ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lời khai trên phù hợp với lời khai của ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H là năm 2002 ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H đã chuyển nhượng cho anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P toàn bộ khu vườn Lọ

Khát, thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khi chuyển nhượng không đo cụ thể mà chỉ ước chừng diện tích là 700m^2. Thời điểm đó chỉ nói bằng miệng chưa làm văn bản. Từ năm 2002 anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P thực tế đã quản lý, trồng cây trên diện tích đất trên, đến năm 2009 (âm lịch) mới viết giấy chuyển nhượng. Anh Vũ Văn H cũng thừa nhận được giúp vợ chồng anh H, chị P trồng cây năm 2002. Lời khai này cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng anh Đường Văn T, anh Lưu Văn C là những người được giúp viết giấy và có mặt tại buổi chuyển nhượng. Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các bên đương sự đều thừa nhận đất của ông cha để lại, ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H quản lý, sử dụng từ khi được giao nên ông Vũ Văn K và bà Hoàng Thị H có quyền chuyển nhượng. Xét thấy, việc chuyển nhượng đất giữa ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H và anh Lã Văn H, chị Vũ Thị P là có thật, hai bên có lập Giấy chuyển nhượng có xác nhận của Trưởng thôn và chính quyền địa phương; thực tế anh Lã Văn H, chị Vũ Thị P đã quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất số 161, tờ bản đồ 66 từ năm 2002, đã trồng cây trên đất và thu hoạch quả từ đó đến thời điểm tranh chấp. Anh Vũ Văn H cho rằng anh Vũ Văn H là con trai trong gia đình, là người thờ cúng nên có quyền hưởng đất đai của bố mẹ, anh Vũ Văn H chỉ đồng ý cho anh H, chị P 700m^2 đã ghi trong Giấy chuyển nhượng, còn 800m^2 còn lại phải trả cho anh H vì đây là đất của anh là không có cơ sở bởi lẽ: Thửa đất 161 mặc dù chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H đã quản lý, sử dụng từ khi được cha ông chuyển giao nên ông K, bà H có quyền đối với diện tích đất trên, việc ông K, bà H chuyển nhượng cho anh H và chị P hay một người nào khác là quyền của ông K, bà H. Anh Vũ Văn H cho rằng anh là con trai trong gia đình nên có quyền hưởng thửa đất trên là không phù hợp với quy định của pháp luật dân sự. Mặt khác, anh H cho rằng đây là đất của anh nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên ý kiến anh H đưa ra là không có căn cứ. Điều này cũng mâu thuẫn với ý kiến của anh H cho rằng năm 2002, anh H còn được giúp anh H, chị P trồng cây trên đất, nghĩa là anh H đã thừa nhận quyền quản lý, sử dụng của anh H, chị P đối với thửa đất 161 từ năm 2002. Chỉ vì mâu thuẫn giữa 02 chị em Vũ Thị P, Vũ Văn H mà anh H ngăn cản không cho anh H, chị P quản lý, sử dụng đối với 712,8m^2 đất thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ 66 là trái với quy định của pháp luật. Với lập luận trên, anh Lã Văn H yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 712,8m^2 đất thuộc thửa 161 hiện đang tranh chấp và các tài sản trên đất là có cơ sở, cần chấp nhận. Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P đối với đất và tài sản trên đất cần buộc anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị X chấm dứt hành vi tranh chấp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lã Văn H yêu cầu anh Vũ Văn H phải bồi thường thiệt hại giá trị của 03 cây mận do anh H chặt theo giá Hội đồng định giá đưa ra. Hội đồng xét xử thấy: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng, anh Vũ Văn H đều thừa nhận 03 cây mận đó là do anh H chặt; tại biên bản xác minh ngày 29/4/2020 của thôn B, xã H, huyện C cũng xác định anh Vũ Văn H chặt 03 cây mận đã 18 năm tuổi của anh Lã Văn H. Như vậy, việc anh Vũ Văn H chặt 03 cây mận là có thật, việc chặt cây hoàn toàn do lỗi của anh H và 03 cây mận đó nằm trên diện tích đất của anh Lã Văn H, chị Vũ Thị P đang quản lý, sử dụng. Việc chặt cây làm cây không thể

phát triển được và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh H, chị P được pháp luật bảo vệ. Anh H khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Lã Văn H là có cơ sở chấp nhận, cần buộc anh Vũ Văn H bồi thường thiệt hại cho anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P giá trị 03 cây mận theo giá Hội đồng định giá đưa ra là 1.248.000 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

[5] Đối với phần diện tích 214,3m² nằm ngoài thửa 161 (trong đó có 176,7m^2 thuộc thửa đất 179; 17,2m^2 thuộc thửa đất 72 đất giao thông do UBND xã quản lý; 10,2m^2 thuộc thửa 156 của anh Đường Văn T và 10,2m^2 thuộc thửa đất 178) anh Lã Văn H đã rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần diện tích đất này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 26; điểm a, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp quyền sử dụng đất được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự không giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đối với yêu cầu tranh chấp đất và tài sản trên đất; chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Anh Lã Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Lã Văn H số tiền 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[7] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc; định giá tài sản: Căn cứ Điều 147, 157, 158, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc; định giá tài sản đối với phần yêu cầu đã rút. Bị đơn phải chịu chi phí tố tụng đối với phần yêu cầu nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tổng chi phí tố tụng là 10.958.000 đồng (trong đó chi phí đo đạc là 6.973.000 đồng; chi phí xem xét thẩm định định giá 3.985.000 đồng). Nguyên đơn phải chịu 2.533.000 đồng (213,3 m^2 x 11.820/m^2 = 2.533.000 đồng); bị đơn phải chịu 8.425.000 đồng. Anh Lã Văn H đã thanh toán trước chi phí này nên anh Vũ Văn H phải có trách nhiệm trả lại cho anh Lã Văn H số tiền 8.425.000 đồng.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Lã Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị P; ý kiến tranh luận của ông Vũ Văn K; bà Hoàng Thị H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Vũ Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị X là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11 Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 163, khoản 1 Điều 166, 169; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 10 Điều 3, 26, 100, 105, khoản 3 Điều 165, 166, 170 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 147; khoản 1, 4 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1,4 Điều 165; khoản 1 Điều 166; khoản 1, Điều 228; khoản 2 Điều 229; khoản 2 Điều 244; Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2, Điều 26; khoản 1; điểm a, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lã Văn H:

1.1. Anh Lã Văn H có quyền quản lý, sử dụng 712,8m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 161, tờ bản đồ số 66, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; địa danh: Lọ Khát, thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và các tài sản trên đất, cụ thể:

- Về đất có các vị trí đỉnh thửa: PONMLUTGFP, các phía tiếp giáp như sau:

Phía Đông Bắc giáp thửa đất số 179 (cạnh PF= 2,31m+9,69m+6,42m+3,53m);

Phía Đông Nam giáp một phần thửa đất 161 (cạnh FG= 5,42m+4,92m);

Phía Tây Nam giáp thửa đất 156 của ông Đường Văn T, một phần thửa đất 178; một phần thửa đất 161 (cạnh GT= 4,03m; TU= 1,31m; UL=13,12m; LM=1,57m+5,82m+3,09m; MN= 4,21m+ 2,41m+ 5,79m);

Phía Tây Bắc giáp thửa đất 161 của anh Lã Văn H (cạnh NO= 7,05m; OP= 7,37m+ 7,20m+ 2,62m+ 3,39m+ 4,89m+ 5,03m);

- Về tài sản gồm:

+ 46 (bốn mươi sáu) cây mận đường kính từ 05cm - 10cm (trong đó có 44 (bốn mươi bốn) cây trồng năm 2002; 02 (hai) cây trồng năm 2017);

+ 01 (một) cây quýt (còn gọi là quất) đường kính 15cm trồng khoảng năm 1990 - 1991;

+ 03 (ba) cây nhãn (trong đó có 01 (một) cây đường kính 30cm và 02 (hai) cây đường kính 20cm trồng khoảng năm 1990-1991);

+ 06 (sáu) cây đào (trong đó có 01 (một) cây đường kính 05cm và 05 (năm) cây đường kính 15cm trồng khoảng năm 2009-2010);

+ 01 (một) cây hồi đường kính 15 cm trồng khoảng năm 1996;

+ 23 (hai mươi ba) cây hồng Bảo Lâm đường kính từ 05cm - 10cm trồng khoảng năm 2007- 2008;

+ 03 (ba) cây xoài đường kính từ 05cm - 10cm trồng năm 2018;

+ 01 (một) cây chanh đường kính từ 05cm - 07cm trồng năm 1998;

+ 01 (một) cây táo đường kính từ 05cm trồng khoảng năm 2015- 2016;

+ 01 (một) cây trám đường kính nhỏ hơn 05cm trồng năm 2019;

+ 01 (một) cây mác kham mọc tự nhiên;

(Theo bản trích đo địa chính số 90-2021 do Công ty cổ phần tư vấn Tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo đạc kèm theo Bản án).

1.2. Về đăng ký biến động đất đai: Anh Lã Văn H có nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký đất đai đối với diện tích 712,8m^2 đất thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ số 66, bản đồ địa chính xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; địa danh: Lọ Khát, thôn B, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

2. Buộc anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị X phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P.

3. Buộc anh Vũ Văn H phải bồi thường cho với anh Lã Văn H và chị Vũ Thị P số tiền 1.248.000 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) do chặt 03 cây mận.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Lã Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần diện tích 214,3m² nằm ngoài thửa 161 (trong đó có 176,7m^2 thuộc thửa đất 179; 17,2m^2 thuộc thửa đất 72 đất giao thông do Ủy ban nhân dân xã quản lý; 10,2m^2 thuộc thửa 156 của anh Đường Văn T và 10,2m^2 thuộc thửa đất 178) do anh Lã Văn H đã rút yêu cầu.

5. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh Lã Văn H phải chịu 2.533.000 đồng (hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng); bị đơn anh Vũ Văn H phải chịu 8.425.000 đồng (tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Anh Lã Văn H đã thanh toán trước chi phí này nên anh Vũ Văn H phải có trách nhiệm trả lại cho anh Lã Văn H số tiền 8.425.000 đồng (tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí: Bị đơn anh Vũ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng anh Vũ Văn H phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Anh Lã Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Lã Văn H số tiền 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002329, ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

7. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn K, bà Hoàng Thị H, chị Nguyễn Thị X, chị Vũ Thị P; vắng mặt đại diện Ủy ban nhân dân xã H, chị Vũ Thị H. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lương Thị Mỹ Hạnh